

GRADE 6.1. Name: _____. Class: _____

Công thức Tobe (am/is/are)

(+) S + tobe (am/is/are) : khẳng định

(-) S + tobe (am/is/are) + not : phủ định

(?) Tobe (am/is/are) + S ? : nghi vấn

Chủ ngữ : "I" + **am**

Chủ ngữ số ít : He (anh ấy), She (cô ấy), It (nó) + **"is"**

Chủ ngữ số nhiều : You (bạn, các bạn), We (chúng tôi, ta), They (họ) + **"are"**

People (mọi người) -> Số nhiều + "are"

Children (trẻ em) -> Số nhiều + "are"

❖ Chia động từ thì Hiện tại đơn dạng tobe (is/am/are)

1. My cat _____ (be) very small.
2. These books _____ (be) expensive.
3. I _____ (be) not a singer.
4. It _____ (be) cold today.
5. We _____ (be) from Vietnam.
6. The weather _____ (be) beautiful this morning.
7. My parents _____ (be) at work.
8. This coffee _____ (be) not hot.
9. You _____ (be) a very kind person.
10. London _____ (be) a big city.
11. _____ (be) she your sister?
12. _____ (be) they your new classmates?
13. He _____ (be not) at the gym right now.
14. _____ (be) you ready to go?
15. My brother and I _____ (be) tall.